



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...6.Đ.../HEID-CV  
V/v: Công bố BCTC năm 2014

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

**Kính gửi:** Ủy Ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

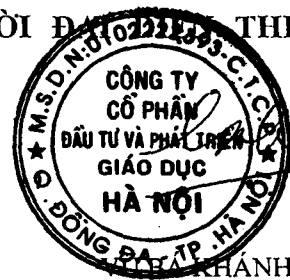
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh ( Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính năm 2014 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 10/03/2015).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu THHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**BẢN SAO**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 36

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 01/01/2015)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu

đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

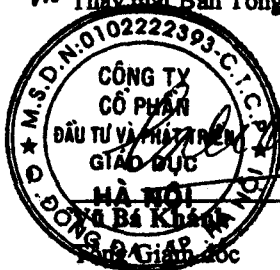
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*M* Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Số: 310 /2015/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 10/03/2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC**

**Cát Thị Hà**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán**

**số: 0725-2013-002-1**

**Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015**

**Nguyễn Trường Minh**

**Kiểm toán viên**

**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán**

**số: 2290-2013-002-1**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>201.003.857.883</b>	<b>168.442.955.969</b>
110	L. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	47.830.445.562	22.189.462.599
111	1. Tiền		27.830.445.562	9.189.462.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	13.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.503.900	8.989.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.776.400	118.776.400
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(102.272.500)	(109.786.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.155.828.799	56.537.924.073
131	1. Phải thu khách hàng		36.960.115.502	36.449.454.485
132	2. Trả trước cho người bán		23.351.203.439	24.672.932.340
135	3. Các khoản phải thu khác	5	387.188.032	490.191.586
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.542.678.174)	(5.074.654.338)
140	IV. Hàng tồn kho	6	86.567.656.389	73.816.392.001
141	1. Hàng tồn kho		89.514.246.195	80.311.559.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.946.589.806)	(6.495.167.001)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.433.423.233	15.890.187.396
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	11.000.776.615	15.405.049.896
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	224.646.618	7.843.000
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	208.000.000	477.294.500



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã tài sản số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>160.621.319.820</b>	<b>145.514.520.894</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	4.100.000.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác	4.100.000.000	-
220	II. Tài sản cố định	5.148.497.092	3.345.598.227
221	1. Tài sản cố định hữu hình	607.485.274	920.648.227
222	- Nguyên giá	3.742.595.211	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.135.109.937)	(2.821.946.984)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	2.424.950.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	142.605.750.000	141.993.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	125.000.000.000	125.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.855.750.000	12.243.750.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	4.750.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác	8.767.072.728	175.172.667
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8.727.272.728	135.372.667
268	2. Tài sản dài hạn khác	39.800.000	39.800.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>361.625.177.703</b>	<b>313.957.476.863</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>152.060.634.239</b>	<b>109.956.807.680</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>152.060.634.239</b>	<b>99.956.807.680</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	88.858.069.358	54.425.076.734
312	2. Phải trả người bán		30.094.102.360	23.410.631.577
313	3. Người mua trả tiền trước		50.285.105	682.021.267
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.911.510.673	572.958.902
315	5. Phải trả người lao động		3.664.347.559	3.855.302.703
316	6. Chi phí phải trả	17	3.878.550.201	2.656.004.108
317	7. Phải trả nội bộ	18	18.536.483.081	13.323.679.404
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	351.714.174	660.337.231
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.715.571.728	370.795.754
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>10.000.000.000</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn		-	10.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>209.564.543.464</b>	<b>204.000.669.183</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>209.564.543.464</b>	<b>204.000.669.183</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	24.166.950
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.200.876.950)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.827.741.301	7.062.829.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		19.929.672.995	13.721.825.214
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.270.524.238	7.166.600.347
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.713.314.930	29.226.124.622
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>361.625.177.703</b>	<b>313.957.476.863</b>



*[Signature]*  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

*[Signature]*  
 Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng

*[Signature]*  
 Lương Ngọc Bích  
 Người lập

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	373.114.836.534	377.975.971.879
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	6.188.144.958	4.867.500.726
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	366.926.691.576	373.108.471.153
11	4. Giá vốn hàng bán	25	277.779.474.201	291.039.210.678
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.147.217.375	82.069.260.475
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.337.103.373	1.042.653.582
22	7. Chi phí tài chính	27	8.214.981.590	6.657.958.069
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.221.659.380	7.424.933.333
24	8. Chi phí bán hàng	28	30.137.951.991	26.245.340.609
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	15.728.113.283	15.986.407.901
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.403.273.884	34.222.207.478
31	11. Thu nhập khác	30	237.714.470	8.949.093.711
32	12. Chi phí khác	31	441.055.828	4.566.262.970
40	13. Lợi nhuận khác		(203.341.358)	4.382.830.741
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.199.932.526	38.605.038.219
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	7.861.186.573	4.865.306.360
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.338.745.953</u>	<u>33.739.731.859</u>



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

*(Handwritten signatures)*

Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích  
 Người lập

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		302.243.549.354	312.364.948.198
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(248.179.738.428)	(256.483.127.126)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.025.963.456)	(17.190.239.476)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6.231.227.613)	(7.451.859.030)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.041.690.024)	(1.139.078.732)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.811.176.159	11.046.997.077
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.712.547.258)	(8.072.900.137)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>18.863.358.734</i>	<i>33.074.740.774</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.116.061.818)	(1.494.863.727)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.800.000.000)	(9.243.750.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		292.352.873	1.089.903.582
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(4.623.708.945)</i>	<i>(9.648.710.145)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		205.912.126.609	199.703.587.219
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(181.479.133.985)	(195.657.536.381)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.031.859.450)	(27.328.980.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>11.401.133.174</i>	<i>(23.282.929.162)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>25.640.982.963</i>	<i>143.101.467</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.189.462.599	22.046.361.132
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	47.830.445.562	22.189.462.599



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích  
 Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là: 83 người (tại ngày 31/12/2013 là 85 người).

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải       | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

## 2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, trong năm 2014 thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho, trong năm 2013 Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo giá trị vật tư, thành phẩm, hàng hóa và dở dang còn tồn tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Do việc áp dụng phương pháp phân bổ mới trong năm 2014 dẫn đến số thuế GTGT đầu vào phân bổ vào Giá vốn hàng bán giảm đi so với số thuế phân bổ nếu áp dụng phương pháp phân bổ năm 2013 là 2,6 tỷ đồng.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.12. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## 2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.



Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.16. Các khoản thuế

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

## 2.17. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	544.777.304	377.998.279
Tiền gửi ngân hàng	27.285.668.258	8.811.464.320
Các khoản tương đương tiền <sup>[1]</sup>	20.000.000.000	13.000.000.000
	<u>47.830.445.562</u>	<u>22.189.462.599</u>

<sup>[1]</sup>Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 là khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất khoảng 4,5%/năm.

105 - C  
G TY  
M HỮU H  
IỂM TO  
SC  
M - TP. H

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(102.272.500)	(109.786.500)
	<b>16.503.900</b>	<b>8.989.900</b>

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1.500	74.600.000	1.500	74.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(102.272.500)		(109.786.500)
		<b>16.503.900</b>		<b>8.989.900</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu khác	387.188.032	490.191.586
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	38.750.000	14.500.000
- Phải thu các đối tượng khác	348.438.032	475.691.586
	<b>387.188.032</b>	<b>490.191.586</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.069.277.557	40.970.008.271
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.625.427.683	5.514.912.845
Thành phẩm	16.319.408.255	19.328.108.488
Hàng hoá	27.197.463.841	12.680.691.607
Hàng gửi đi bán	4.302.668.859	1.817.837.791
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.946.589.806)	(6.495.167.001)
	<b>86.567.656.389</b>	<b>73.816.392.001</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.405.049.896	6.997.596.320
Số tăng trong năm	37.139.170.993	37.674.433.667
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(41.543.444.274)	(29.266.980.091)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.000.776.615</b>	<b>15.405.049.896</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ <sup>[1]</sup>	5.269.982.201	4.255.777.825
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	696.891	16.000.613
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	313.149.091	2.740.671.458
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ <sup>[2]</sup>	5.416.948.432	8.392.600.000
	<b>11.000.776.615</b>	<b>15.405.049.896</b>

<sup>[1]</sup>Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối năm).

<sup>[2]</sup>Trong đó, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	216.803.618	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	7.843.000
	<b>224.646.618</b>	<b>7.843.000</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	208.000.000	175.779.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	301.515.500
	<b>208.000.000</b>	<b>477.294.500</b>

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	4.100.000.000	-
	<b>4.100.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2014, hoạt động góp vốn này hiện mới bắt đầu triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<b>3.419.889.480</b>	<b>322.705.731</b>	<b>3.742.595.211</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.593.993.767	227.953.217	2.821.946.984
Số tăng trong năm	265.104.633	48.058.320	313.162.953
- Khấu hao trong năm	265.104.633	48.058.320	313.162.953
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<b>2.859.098.400</b>	<b>276.011.537</b>	<b>3.135.109.937</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	825.895.713	94.752.514	920.648.227
Tại ngày cuối năm	<b>560.791.080</b>	<b>46.694.194</b>	<b>607.485.274</b>

Nguyên giá của TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.132.793.770 VND.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	2.424.950.000
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>[1]</sup>	4.241.011.818	2.124.950.000
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa <sup>[2]</sup>	300.000.000	300.000.000
	<b>4.541.011.818</b>	<b>2.424.950.000</b>

<sup>[1]</sup>Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ

phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m<sup>2</sup>;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.241.011.818 VND. Trong đó, số vốn góp mà Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã thực nhận là 2.943.950.000 VND. Số vốn góp còn lại Công ty đã chuyển qua đối tác trung gian là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tiếp tục góp vốn vào dự án này.

<sup>[2]</sup>Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	125.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>12.855.750.000</b>	<b>12.243.750.000</b>
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	12.243.750.000	12.243.750.000
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục <sup>[1]</sup>	612.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>4.750.000.000</b>	<b>4.750.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>142.605.750.000</b>	<b>141.993.750.000</b>

<sup>[1]</sup>Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCN ngày 08/03/2014 và Giấy Chuyển nhượng sở hữu Cổ phần ngày 08/03/2014, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty 60.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục, với giá bán là 10.700 VND/cổ phần.

Tháng 6/2014, công ty đã nhận cổ tức được chia từ Công ty Sách dịch và Từ điển Giáo dục cho năm 2013 số tiền là 30.000.000 VND. Do vậy, giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty Sách dịch và Từ điển Giáo dục từ số tiền ban đầu là 642.000.000 VND giảm đi còn 612.000.000 VND.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	135.372.667	-
Số tăng trong năm	8.727.272.728	812.236.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(135.372.667)	(676.863.333)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.727.272.728</b>	<b>135.372.667</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lắp đặt hệ thống văn phòng làm việc	-	135.372.667
Chi phí thuê kho <sup>[1]</sup>	8.727.272.728	-
	<b>8.727.272.728</b>	<b>135.372.667</b>

<sup>[1]</sup> Đây là chi phí thuê kho Bộ Tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

### 15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội <sup>[1]</sup>	73.028.743.301	44.870.370.955
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN Hà Nội	-	9.554.705.779
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam <sup>[2]</sup>	15.829.326.057	-
	<b>88.858.069.358</b>	<b>54.425.076.734</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

<sup>[1]</sup>Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng; Thời gian duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 30/06/2015;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Theo thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014.

<sup>[2]</sup>Hợp đồng tín dụng số 1300000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng; Thời gian duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 29/04/2015;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.370.874.647	178.894.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.476.573	272.651.786
Thuế thu nhập cá nhân	428.159.453	121.412.561
	<b>1.911.510.673</b>	<b>572.958.902</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	101.883.916	109.783.520
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bán	1.900.031.011	773.705.829
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	730.811.463	759.900.728
Trích trước chi phí vận chuyển	1.000.823.811	867.614.031
Chi phí phải trả khác	145.000.000	145.000.000
	<b>3.878.550.201</b>	<b>2.656.004.108</b>

**18. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công	18.536.483.081	13.323.679.404
	<b>18.536.483.081</b>	<b>13.323.679.404</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	322.165.574	353.727.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.548.600	306.609.629
- Phải trả các đối tượng khác	29.548.600	306.609.629
	<b>351.714.174</b>	<b>660.337.231</b>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	4.118.859.101	10.595.660.942	5.603.518.211	35.137.835.478	202.279.163.732						
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33.739.731.859
Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.939.180.000)
Tam ứng cổ tức năm 2013 cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.389.800.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.943.969.899	3.126.164.272	1.563.082.136	(7.633.216.307)	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.689.246.408)	-	-	-	-	-	-	(4.689.246.408)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>24.166.950</b>	<b>(3.200.876.950)</b>	<b>7.062.829.000</b>	<b>13.721.825.214</b>	<b>7.166.600.347</b>	<b>29.226.124.622</b>	<b>204.000.669.183</b>	<b>28.338.745.953</b>	<b>29.226.124.622</b>	<b>29.226.124.622</b>	<b>29.226.124.622</b>	<b>204.000.669.183</b>	
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.764.912.301	6.207.847.781	3.103.923.891	(11.076.683.973)	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(9.311.771.672)	-	-	-	-	-	-	(9.311.771.672)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)	-	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>24.166.950</b>	<b>(3.200.876.950)</b>	<b>8.827.741.301</b>	<b>19.929.672.995</b>	<b>10.270.524.238</b>	<b>23.713.314.930</b>	<b>209.564.543.464</b>	<b>28.338.745.953</b>	<b>10.270.524.238</b>	<b>23.713.314.930</b>	<b>23.713.314.930</b>	<b>209.564.543.464</b>	

Theo Nghị quyết số 03-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		33.739.731.859
Chi trả cổ tức <sup>[1]</sup>	15%/Cổ phần	21.852.900.000
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	3.373.973.186
Trích bổ sung vốn điều lệ	5%	1.686.986.593
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.373.973.186
Trích quỹ điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát	5%	1.686.986.593
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	1.764.912.301

<sup>[1]</sup>Trong đó, cổ tức đã tạm ứng cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam trong năm 2013 là 8.389.800.000 VND, Cổ tức của các Chủ sở hữu khác đã được thanh toán bằng tiền mặt trong năm 2014.

Căn cứ theo phương án dự kiến phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 được nêu tại Nghị quyết số 03-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết số 01-2015 ngày 05/01/2015 của Hội đồng quản trị thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 dự kiến. Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		28.338.745.953
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	2.833.874.595
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15%	4.250.811.893
Trích Quỹ bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.416.937.298

Việc trích lập các quỹ như trên có thể thay đổi khi Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2015 thông qua kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	Tỷ lệ %	01/01/2014 VND	Tỷ lệ %
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	55.932.000.000	37,29%	55.932.000.000	37,29%
Ông Peter Eric Dennis	7.327.000.000	4,88%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	10.222.890.000	6,81%	6.930.890.000	4,62%
Các cổ đông khác	72.204.110.000	48,14%	82.823.110.000	55,21%
Cổ phiếu quỹ	4.314.000.000	2,88%	4.314.000.000	2,88%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	13.463.100.000	27.328.980.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.463.100.000	18.939.180.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	8.389.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	431.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.568.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	8.827.741.301	7.062.829.000
- Quỹ dự phòng tài chính	19.929.672.995	13.721.825.214
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	7.166.600.347
	<b>39.027.938.534</b>	<b>27.951.254.561</b>

21. TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.492.382.910	4.556.510.629
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:	8.886.472.728	2.740.671.458
- Từ 1 năm trở xuống	159.200.000	2.740.671.458
- Trên 1 năm đến 5 năm	8.727.272.728	-
- Trên 5 năm	-	-

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	203.093.171.156	207.347.558.845
Doanh thu lịch Block	5.157.165.588	5.847.679.564
Doanh thu sách tham khảo	63.220.045.783	44.063.722.114
Doanh thu nhượng bán vật tư	54.306.243.165	71.761.809.064
Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	47.338.210.842	48.955.202.292
	<b>373.114.836.534</b>	<b>377.975.971.879</b>

**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.120.649.650	3.902.054.890
Hàng bán bị trả lại	2.067.495.308	965.445.836
	<b>6.188.144.958</b>	<b>4.867.500.726</b>

**24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	198.132.067.718	203.708.973.723
Doanh thu lịch Block	5.157.165.588	5.847.679.564
Doanh thu sách tham khảo	61.993.666.527	42.849.557.760
Doanh thu nhượng bán vật tư	54.306.243.165	71.761.809.064
Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	47.337.548.578	48.940.451.042
	<b>366.926.691.576</b>	<b>373.108.471.153</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	146.931.221.379	154.828.427.087
Giá vốn lịch Block	4.736.807.855	5.057.443.754
Giá vốn sách tham khảo	35.153.333.751	24.931.833.532
Giá vốn nhượng bán vật tư	55.124.713.031	70.154.004.864
Giá vốn thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	39.381.975.380	35.959.484.287
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.548.577.195)	108.017.154
	<b>277.779.474.201</b>	<b>291.039.210.678</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	315.695.583	345.493.676
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.020.907.290	553.496.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	500.500	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	143.663.306
	<b>1.337.103.373</b>	<b>1.042.653.582</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.221.659.380	7.424.933.333
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.999.960.736	2.202.519.586
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	9.678.158
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.514.000)	(2.980.935.551)
Chi phí tài chính khác	875.474	1.762.543
	<b>8.214.981.590</b>	<b>6.657.958.069</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.557.362	55.987.429
Chi phí nhân công	13.348.468.672	11.588.927.622
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	265.787.692	8.681.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.847.509	224.932.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.158.704.373	7.321.553.261
Chi phí khác bằng tiền	7.169.586.383	7.045.258.562
	<b>30.137.951.991</b>	<b>26.245.340.609</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	944.721.647	979.780.549
Chi phí nhân công	5.448.521.093	5.072.808.304
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	111.009.614	4.181.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.315.444	218.841.182
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	468.023.836	129.333.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.643.238.846	4.595.766.930
Chi phí khác bằng tiền	4.968.282.803	4.982.695.747
	<b>15.728.113.283</b>	<b>15.986.407.901</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu từ bán tòa nhà tại đường Nguyễn Khánh Toàn	-	8.907.000.000
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	27.511.311
Thu nhập từ thanh lý sách cũ, lạc hậu	212.171.818	-
Thu nhập khác	25.542.652	14.582.400
	<b>237.714.470</b>	<b>8.949.093.711</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí bán tòa nhà tại đường Nguyễn Khánh Toàn	-	4.500.000.000
Phạt thuế, truy thu về thuế	433.341.017	66.262.970
Chi phí khác	7.714.811	-
	<b>441.055.828</b>	<b>4.566.262.970</b>

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	36.199.932.526	34.198.038.219
Các khoản điều chỉnh tăng	553.641.005	191.559.284
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.020.907.290)	(553.496.600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	35.732.666.241	33.836.100.903
- Thu nhập chịu thuế TNDN 10% <sup>[1]</sup>	-	31.679.359.107
- Thu nhập chịu thuế TNDN 25%	-	2.156.741.796
- Thu nhập chịu thuế TNDN 22%	35.732.666.241	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	56.435.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.861.186.573</b>	<b>3.763.556.360</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	272.651.786	(3.453.575.842)
Thuế TNDN phải nộp bổ sung khác phục năm 2014	20.328.238	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.041.690.024)	(1.139.078.732)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính</b>	<b>112.476.573</b>	<b>(829.098.214)</b>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	4.407.000.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.101.750.000</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HBKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>1.101.750.000</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>112.476.573</b>	<b>272.651.786</b>

<sup>[1]</sup>Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Đồng thời, Tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.

Tuy nhiên, Theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và Hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính 2014 thì phần thu nhập nêu trên của Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 22%.

### 33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.178.333.657	139.702.178.676
Chi phí nhân công	18.796.989.765	16.661.735.926
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	376.797.306	12.862.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.162.953	443.773.522
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	468.023.836	129.333.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.532.370.197	48.381.267.697
Chi phí khác bằng tiền	12.137.869.186	12.027.954.309
	<b>202.806.546.900</b>	<b>217.362.106.714</b>

### 34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.830.445.562	-	22.189.462.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.447.303.534	(5.542.678.174)	36.939.646.071	(5.074.654.338)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(102.272.500)	118.776.400	(109.786.500)
Đầu tư dài hạn	4.750.000.000	-	4.750.000.000	-
	<b>94.146.525.496</b>	<b>(5.644.950.674)</b>	<b>63.997.885.070</b>	<b>(5.184.440.838)</b>



	Giá trị số kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	88.858.069.358	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	30.445.816.534	24.070.968.808
Chi phí phải trả	3.878.550.201	2.656.004.108
	<b>123.182.436.093</b>	<b>91.152.049.650</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### **Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### **Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### **Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.830.445.562	-	-	47.830.445.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.804.625.360	4.100.000.000	-	35.904.625.360
Đầu tư ngắn hạn	16.503.900	-	-	16.503.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
	<b>79.651.574.822</b>	<b>8.850.000.000</b>	-	<b>88.501.574.822</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.189.462.599	-	-	22.189.462.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.864.991.733	-	-	31.864.991.733
Đầu tư ngắn hạn	8.989.900	-	-	8.989.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
	<b>54.063.444.232</b>	<b>4.750.000.000</b>	-	<b>58.813.444.232</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	88.858.069.358	-	-	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	30.445.816.534	-	-	30.445.816.534
Chi phí phải trả	3.878.550.201	-	-	3.878.550.201
	<b>123.182.436.093</b>	-	-	<b>123.182.436.093</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	54.425.076.734	10.000.000.000	-	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	24.070.968.808	-	-	24.070.968.808
Chi phí phải trả	2.656.004.108	-	-	2.656.004.108
	<b>81.152.049.650</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>91.152.049.650</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 04/02/2015, thực hiện theo Nghị quyết số 09-2014/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 1.200 VND).

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

		Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>				
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết		612.000.000	-
<b>Doanh thu bán hàng</b>				
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn		66.732.076	315.839.462
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn		-	3.020.389
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết		21.196.391.490	19.601.477.859
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết		222.912.756	1.380.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn		3.840.000	12.858.182
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn		3.297.364.095	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn		2.352.415.048	5.397.258.147
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn		7.470.290.245	5.950.148.936
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn		3.116.183.521	2.467.217.705
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn		151.986.876	526.742.280
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn		4.151.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn		1.878.910.075	2.199.212.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn		17.631.702.150	2.563.660.032
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn		50.203.958	1.846.954.982
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn		598.758.196	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn		2.502.796.927	2.132.413.483
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn		3.229.775.402	2.519.643.207

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng (tiếp)</b>			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	40.589.591	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	571.927.997	15.039.340
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	3.286.920	17.175.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	41.627.300	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.570.789.552	2.876.997.965
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	678.962.457	443.950.042
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	2.500.000	3.992.548.812
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty liên kết Cùng Tập đoàn	6.519.356.967	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	23.636.792.581	30.346.620.867
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	131.250.000	340.264.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	-	35.399.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn	35.511.588	64.204.402
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	144.000	-
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	314.067.360	292.125.440
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	11.604.780	4.691.350
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	52.470.176	1.094.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	646.458.576	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	12.309.720.645	63.374.735
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.487.769.077	4.209.116.228
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	3.658.111.929	2.003.338.089
Công ty Cổ phần MI thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.010.296.765	2.302.758.165
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.957.871.666	2.848.748.206
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.056.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	3.682.800	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.527.138.311	12.660.797.981
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.982.860	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	342.304.000	421.691.000

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Cổ tức được chia</b>			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	907.500.000	206.250.000
Việt Nam	Tập đoàn		

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	4.134.039.198	1.153.777.466
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	1.821.960.408	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Bình Dương	Cùng Tập đoàn	666.950	1.615.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	652.158.610	752.048.532
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	425.624.701	1.293.819.653
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	261.158.042	195.659.397
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	611.856.866	76.350.675
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	181.867.760
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	601.196.890	675.064.051
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	299.319.160	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	89.379.323
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	596.102.340	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	208.990.287	87.691.171
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.932.800	776.000
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	-	4.691.350

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải trả</b>			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	12.500.264.599	10.369.168.718
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	131.250.000	131.250.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	18.536.483.081	13.323.679.404
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	2.880.253.227	-
Công ty Cổ phần MI thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	-	173.191.670
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	33.943.984	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	45.148.000	66.623.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	74.237.200	11.081.074
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.428.035.119	586.131.889
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	481.154.158	530.333.100
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	213.577.861	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	776.576.555	713.150.147

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	2.300.807.411	2.372.273.415

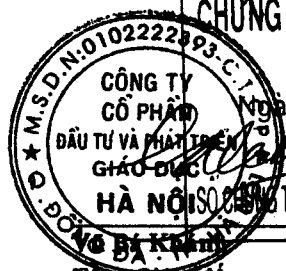

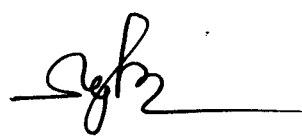
**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 23 -03- 2015

HÀ NỘI SỐ QUẢN LÝ THỰC: 1215 QUYỀN SỞ SCT/BS.

Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

 **Dương Thị Việt Hà**  
Kế toán trưởng

**Lương Ngọc Bích**  
Người lập

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Trần Vũ Đại*